

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành	: Quản trị kinh doanh – Chương trình nâng cao
Tên tiếng Anh	: Advanced Business Administration
Mã ngành	: 7340101NC
Bậc đào tạo	: Đại học
Hình thức đào tạo	: Chính quy
Danh hiệu	: Cử nhân
Khoa quản lý	: Khoa Kinh tế

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2024

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ ÁN

ĐÀO TẠO NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm Quyết định số: 3514/QĐ-ĐHNL-ĐT của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh)

Phần I. Thông tin chung

Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh là một trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, tọa lạc trên khu đất có diện tích 118 ha, thuộc Khu phố 6, phường Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh và phường Đông Hòa, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Tiền thân là Trường Quốc gia Nông Lâm Mục B'Lao (1955), Trường Cao đẳng Nông Lâm Súc Sài Gòn (1963), Học viện Quốc gia Nông nghiệp Sài Gòn (1972), Trường Đại học Nông nghiệp Thủ Đức (thuộc Viện Đại học Bách khoa Thủ Đức, 1974), Trường Đại học Nông nghiệp IV (1975), Trường Đại học Nông Lâm Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh (1985) trên cơ sở sáp nhập Trường Cao đẳng Lâm nghiệp (huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai) và Trường Đại học Nông nghiệp IV (quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh), Trường Đại học Nông Lâm (thành viên Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 1995), Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (2000 đến nay).

Trải qua hơn 65 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh đã đạt nhiều thành tựu nổi bật. Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh thực hiện ba nhiệm vụ chính như sau: Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học, nghiên cứu và hợp tác NCKH với các đơn vị trong và ngoài nước và chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật phục vụ cộng đồng. Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, sự phát triển không ngừng của khoa học và công nghệ cùng với sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các cơ sở giáo dục đòi hỏi nhà trường phải có sự đổi mới, sáng tạo hơn nữa để phát triển toàn diện và hiệu quả nhằm thực hiện sứ mạng của một trường đại học định hướng nghiên cứu.

Khoa Kinh Tế trường Đại học Nông Lâm Tp.HCM đã và đang đào tạo hơn 45 khóa các chuyên ngành, các hệ đào tạo. Chương trình giảng dạy của Khoa Kinh Tế thường xuyên được cập nhật, đổi mới phù hợp với tình hình kinh tế của đất nước. Cùng với sự phát triển của Trường, Khoa Kinh Tế đã và đang từng bước khẳng định vai trò trong việc đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức kinh tế vững chắc, vận dụng vào thực tế sản xuất kinh doanh trong các tổ chức, doanh nghiệp... góp phần vào việc phát triển kinh tế đất nước. Từ chưa tới 20 GV trước đây, hiện nguồn nhân lực của Khoa đạt hơn 40 GV, đa số có học vị cao được đào tạo từ các nước có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới.

Với chủ trương đa dạng hóa ngành đào tạo của nhà trường và đáp ứng nhu cầu lao động của nền kinh tế, từ năm 2000, Khoa Kinh Tế đã mở rộng đào tạo ở các trình độ Cử nhân, Thạc sĩ và

Tiến sĩ các khối ngành khoa học Kinh tế - Xã hội. Xét về ngành học, Khoa Kinh Tế đào tạo 9 chuyên ngành, bao gồm Kế toán (KE), Kinh tế môi trường (KM), Kinh tế Nông nghiệp (KT), Kinh doanh nông nghiệp (KN), Phát triển nông thôn (PT), Quản trị kinh doanh (QT), Quản trị tài chính (TC), Quản trị thương mại (TM) và Quản trị Kinh doanh Chất lượng cao (QTC), và đến nay có đào tạo thêm chương trình liên kết với Đại học Newcastle – Úc và Đại học Van Hall Larenstein – Hà Lan. Có thể thấy, Kế toán, Kinh tế Nông nghiệp và Quản trị Kinh doanh hiện đang là những ngành có số lượng sinh viên theo học chiếm tỉ lệ cao nhất của Khoa.

Khoa Kinh Tế đào tạo cao học bậc thạc sĩ ngành Kinh tế Nông nghiệp từ năm 2000 đến nay. Trong giai đoạn đầu từ năm 2000 đến năm 2007, số lượng học viên cao học chỉ dao động trong khoảng từ 7 đến 15 người, tất cả được học tại cơ sở chính trường Đại học Nông Lâm Tp.HCM. Đến năm 2008, khi Khoa Kinh Tế mở rộng quy mô đào tạo tại các tỉnh như Gia Lai, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Sóc Trăng, Phú Yên và Kiên Giang... số lượng học viên bắt đầu tăng đáng kể, từ 21 học viên vào năm 2008 đến 133 học viên vào năm 2016. Năm 2017, Khoa Kinh Tế đã được Bộ GD&ĐT cho phép mở đào tạo thêm chuyên ngành Quản lý kinh tế, nhờ đó tổng số lượng học viên tiếp tục gia tăng, đạt con số 194 học viên cả hai ngành. Năm 2015, Khoa Kinh Tế được giao nhiệm vụ đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế Nông nghiệp. Từ đó đến nay, số lượng Nghiên cứu sinh qua các khóa vẫn ổn định, không có sự tăng giảm đột biến nào nhằm củng cố, tập trung vào chất lượng đào tạo để tạo ra nguồn nhân lực có trình độ cao.

Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Nông Lâm Tp.HCM thường xuyên tổ chức các Seminar học thuật nhằm cập nhật các thành tựu khoa học mới và nâng cao năng lực cho đội ngũ của Khoa. Trong thời gian qua, Khoa đã tổ chức được các Hội thảo có quy mô lớn về những vấn đề thời sự và chuyên sâu, bao gồm: Hội thảo Nông nghiệp và TPP - Cơ hội và Thách thức (2015) và Hội thảo về Logistics và Supply chain (2016 và 2017).

Phần II. Thông tin về ngành đào tạo, sự cần thiết và mục tiêu đào tạo nâng cao

1. Thông tin về chương trình đào tạo nâng cao

- Tên chương trình đào tạo: ***Chương trình nâng cao***
- Ngành đào tạo: ***Quản trị Kinh doanh***
- Mã ngành: 7340101NC

2. Sự cần thiết, mục tiêu đào tạo nâng cao

Theo xu hướng chung của việc hội nhập quốc tế như hiện nay, Trường Đại Học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh luôn tích cực đổi mới nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, phấn đấu để trở thành một trường đại học đạt chuẩn trong khu vực và quốc tế. Hiện nay trường đang xây dựng các chương trình đào tạo theo chuẩn kiểm định chất lượng dành cho hệ thống các trường đại học thuộc khối ASEAN (AUN). Trường đã mở được 2 chương trình tiên tiến tại Khoa Công Nghệ

Thực Phẩm và Khoa Chăn Nuôi Thú Y, đào tạo hoàn toàn bằng tiếng Anh theo chương trình của Mỹ và Úc. Với định hướng ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo và đa dạng hóa chương trình đào tạo, trường Đại Học Nông Lâm TP.HCM quyết định tham gia đề án chương trình đào tạo nâng cao với 5 ngành đào tạo, trong đó có ngành Quản trị Kinh doanh.

Là một trong bốn bộ môn thuộc Khoa Kinh Tế, Bộ môn Quản Trị Kinh Doanh được thành lập vào năm 2000 với mục đích phục vụ nhu cầu đào tạo cử nhân có trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quản trị kinh doanh cho tất cả các loại hình doanh nghiệp hoạt động cả trong và ngoài nước. Hiện nay, Bộ môn có hơn 1000 sinh viên đang theo học hệ chính quy dài hạn ngành Quản Trị Kinh Doanh với 04 chuyên ngành Quản trị Kinh doanh Tổng Hợp, ngành Quản Trị Kinh Doanh Thương Mại, ngành Quản trị Tài chính và ngành Quản trị kinh doanh Chất lượng cao. Hàng năm có trên 300 sinh viên được tuyển chọn vào ngành này.

Chương trình đào tạo ngành Quản Trị Kinh Doanh luôn gắn liền với thực tế; Đa số các môn học đều có phần thực hành, làm bài tập nhóm, thuyết trình... Ngoài ra, sinh viên còn được tham gia các chương trình kiến tập, thực tập tại đơn vị, doanh nghiệp ở thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận. Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản Trị Kinh Doanh có thể làm việc tại tất cả các loại hình doanh nghiệp trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.

Với sự phát triển đi lên của Trường, chương trình giảng dạy của Khoa thường xuyên được cập nhật, đổi mới phù hợp với đặc trưng của từng chuyên ngành và tình hình kinh tế của đất nước trong từng thời điểm, hầu hết các sinh viên tốt nghiệp đều có việc làm ổn định trong rất nhiều các lĩnh vực của nền kinh tế khác như: Nông nghiệp, nông thôn, quản lý tài chính, ngân hàng, xuất nhập khẩu... và Khoa Kinh Tế đã quyết định mở chương trình đào tạo nâng cao, sinh viên được học bằng tiếng Việt và một số môn học bằng tiếng Anh theo tiêu chuẩn quốc tế với 30% số tín chỉ học phần cơ sở ngành và chuyên ngành giảng dạy bằng tiếng Anh, từ đó làm tiền đề để hướng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo cho tất cả các ngành của Khoa. Thời lượng và chất lượng thực hành gắn liền với doanh nghiệp và thực tế sản xuất được chú trọng nhiều hơn cũng là một điểm nhấn trong chương trình đào tạo nâng cao ngành Quản trị kinh doanh. Chương trình này thể hiện rõ định hướng và chiến lược trở thành trường Đại học Việt Nam đào tạo chất lượng quốc tế với học phí tương ứng. Chương trình đào tạo nâng cao của Khoa được xây dựng dựa trên tinh hoa của giáo dục đại học trên thế giới kết hợp với đặc thù của giáo dục Việt Nam nhằm mang lại giá trị gia tăng cao và sự khác biệt cho người học ở cả năm khía cạnh: Kiến thức, tư duy, kỹ năng, hành vi và thái độ. Với định hướng và cam kết này, các sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo nâng cao ngành Quản trị Kinh doanh sẽ đáp ứng yêu cầu của người sử dụng lao động, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của nhà trường ở phạm vi khu vực và quốc tế.

Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh có năng lực chuyên môn, nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội; có khả năng hoạch định chính sách, chiến lược, lập kế hoạch kinh doanh, khởi sự doanh nghiệp; năng lực thực hiện nhiệm vụ độc lập và hợp tác trong lĩnh vực quản trị tổ chức; có phẩm chất tốt, đạo đức nghề nghiệp, khả năng thích nghi với môi trường kinh doanh, xã hội thay đổi và đáp ứng nhu cầu xã hội.

Mục tiêu cụ thể:

Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị Kinh doanh nâng cao trang bị cho người học:

- PO1: Kiến thức từ các môn học cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành trong lĩnh vực quản trị kinh doanh (nâng cao).
- PO2: Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và tin học; kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, viết báo cáo; kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, tinh thần khởi nghiệp kinh doanh, tư duy sáng tạo, nắm bắt nhu cầu xã hội để đưa ra quyết định trong kinh doanh.
- PO3: Thái độ tôn trọng pháp luật, lối sống tích cực và tinh thần hướng về cộng đồng; trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp, và khả năng học tập suốt đời.

CHUẨN ĐẦU RA (Program Learning Outcomes – PLOs)

A. Kiến thức (Knowledge)

- Kiến thức chung (General Knowledge)
 - PLO1: Vận dụng được hệ thống kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, lý luận chính trị, lý thuyết kinh tế, quản trị vào thực tiễn đời sống và hoạt động nghề nghiệp.
- Kiến thức nghề nghiệp (Professional Knowledge)
 - PLO2: Vận dụng lý thuyết và mô hình kinh doanh mới vào quản trị doanh nghiệp, xây dựng chiến lược quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - PLO3: Phân tích môi trường kinh doanh, xử lý và quyết định linh hoạt, đúng đắn trong điều hành doanh nghiệp.

B. Kỹ năng (Skills)

- Kỹ năng chung (General Skills)
 - PLO4: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; giao tiếp, thuyết trình và viết báo cáo; sử dụng tiếng Anh và tin học trong công việc một cách hiệu quả.
- Kỹ năng nghề nghiệp (Professional Skills)
 - PLO5: Sử dụng thành thạo các phần mềm hỗ trợ hoạt động quản lý; phát triển tư duy khoa học và sáng tạo trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

C. Thái độ (Attitude)

- PLO6: Tôn trọng pháp luật, tôn trọng đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật và tinh thần hướng về cộng đồng.
- PLO7: Có khả năng học tập và nâng cao trình độ suốt đời.

Phần III. Điều kiện và năng lực đào tạo Chương trình nâng cao của Khoa

1. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được xây dựng đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Điều 5 của Quy định về đào tạo hệ nâng cao trình độ đại học, được sự đồng ý và thống nhất của các giảng viên trong khoa trên cơ sở tích hợp chương trình đào tạo của các Trường đại học tiên tiến trên thế giới.

Sinh viên được học trong điều kiện học tập tốt nhất bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Sinh viên được tập trung học tiếng Anh nâng cao vào năm thứ nhất. Trong toàn bộ chương trình, hơn 30% số học phần cơ sở ngành và chuyên ngành được giảng dạy bằng tiếng Anh. Các giảng viên Khoa Kinh Tế đã có rất nhiều công trình nghiên cứu khoa học và đã được trình bày tại hội thảo và tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước. Một số môn học sẽ thỉnh giảng giáo sư, chuyên gia hàng đầu trong ngành, các CEO, CFO tại các doanh nghiệp, giảng viên có trình độ cao tại các trường có uy tín. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đúng hướng dẫn của ASEAN University Network (AUN): khảo sát nhu cầu của sinh viên, của công ty tuyển dụng, so sánh chương trình đào tạo hiện có của Khoa và chương trình tương ứng của các đối tác đào tạo chiến lược của khoa.

Quy trình đào tạo được tổ chức theo học chế tín chỉ. Điều kiện tốt nghiệp tuân theo Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ của trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh. Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc cũng như số học phần tự chọn theo yêu cầu của chương trình đào tạo, tổng lượng kiến thức tối thiểu là 136 TC với điểm trung bình tốt nghiệp $\geq 5,5$ theo thang điểm 10 hoặc $\geq 2,0$ theo thang điểm 4,0. Khuyến khích sinh viên ra Trường làm khóa luận tốt nghiệp bằng Tiếng Anh.

Bảng 1.2 So sánh chương trình đào tạo đại trà và chương trình nâng cao

Chương trình đại trà	Chương trình nâng cao
Kiến thức	
Có hệ thống kiến thức cơ bản và chuyên sâu theo tiêu chuẩn quốc tế, được thiết kế phù hợp với các yêu cầu của vị trí quản trị viên, quản trị cấp trung và quản trị cấp cao ở các tổ chức và công ty	Có hệ thống kiến thức cơ bản và chuyên sâu theo tiêu chuẩn quốc tế, được thiết kế phù hợp với các yêu cầu của vị trí quản trị viên, quản trị cấp trung và quản trị cấp cao ở các tổ chức và công ty trong nước và nước ngoài
	Có đủ kiến thức chuyên môn và trình độ tiếng Anh chuyên ngành để theo đuổi các hệ thống đào tạo bậc cao hơn ở các nước phát triển
- Trình độ tiếng Anh tương đương TOEIC 500 hoặc có chứng chỉ các ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 – Khung chung châu Âu (Common European Framework – CEF)	- Trình độ tiếng Anh tương đương TOEIC 650 hoặc có chứng chỉ các ngoại ngữ tương đương cấp độ B2 – Khung chung châu Âu (Common European Framework – CEF)

Chương trình đại trà	Chương trình nâng cao
- Trình độ tin học văn phòng.	- Trình độ tin học văn phòng A.
Kỹ năng	
Có kỹ năng truyền thông, soạn thảo văn bản, giao tiếp bằng ngoại ngữ ở trình độ TOEIC 500 hoặc chứng chỉ các ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 – Khung chung châu Âu (Common European Framework – CEF)	Có kỹ năng truyền thông, soạn thảo văn bản, giao tiếp bằng ngoại ngữ ở trình độ TOEIC 650 hoặc chứng chỉ các ngoại ngữ tương đương cấp độ B2 – Khung chung châu Âu (Common European Framework – CEF)
Tạo dựng kỹ năng sẵn sàng học hỏi và hoàn thiện cá nhân Có kỹ năng tư duy tích cực, sáng tạo Có kỹ năng sử dụng công cụ tin học Có kỹ năng phân tích môi trường kinh doanh Phát triển tư duy phản biện và kỹ năng ra quyết định Có kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm Có kỹ năng giao tiếp, truyền thông, đàm phán và hợp tác Có kỹ năng thích ứng với môi trường Có kỹ năng hoạch định công việc Phát triển kỹ năng sử dụng tin học văn phòng và các phần mềm tin học chuyên ngành	Tạo lập kỹ năng sẵn sàng học hỏi và hoàn thiện cá nhân Có kỹ năng tư duy tích cực, sáng tạo, xây dựng hệ thống thông tin bản thân Có kỹ năng sử dụng công cụ tin học áp dụng vào nghiên cứu Kỹ năng phân tích môi trường bên ngoài Phát triển tư duy phản biện và kỹ năng ra quyết định Rèn luyện kỹ năng lãnh đạo, làm việc nhóm và làm việc cá nhân Phát triển kỹ năng giao tiếp, truyền thông, đàm phán và thương lượng Phát triển kỹ năng thích ứng với môi trường. Nâng cao kỹ năng hoạch định công việc Từ đó đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp với môi trường, biến động thực tế
Thái độ	
Chấp hành nghiêm túc pháp luật nhà nước, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp Có tinh thần hợp tác, tôn trọng đồng nghiệp, cấp trên và khách hàng Có trách nhiệm và tinh thần cam kết cao với công việc Có tinh thần hợp tác, tôn trọng đồng nghiệp, cấp trên và khách hàng	Nghiêm túc thực thi pháp luật nhà nước, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, đạo đức kinh doanh Nêu cao tinh thần hợp tác, tôn trọng đồng nghiệp, cấp trên và khách hàng Nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần làm việc cao với công việc Đề cao tinh thần hợp tác, tôn trọng đồng nghiệp, cấp trên và khách hàng

2. Giảng viên, trợ giảng, cán bộ quản lý, cố vấn học tập

Về quản lý, hiện tại Khoa Kinh tế có 1 Trưởng khoa và 2 Phó khoa cùng với 4 cán bộ quản lý các bộ môn. Khoa có đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu khoa học khá mạnh, có trình độ cao, trên 90% giảng viên có trình độ sau đại học, phần lớn được đào tạo từ nước ngoài: Úc, Mỹ, Pháp, Hà Lan, Thụy Điển, Ba Lan, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Philippines, Thái Lan.v.v. Lực lượng giảng dạy cơ hữu của Khoa có hơn 40 cán bộ giảng dạy (CBGD) với 1 Phó giáo sư và 5 Tiến sĩ Kinh tế, chưa kể đến 10 nghiên cứu sinh đang học Tiến sĩ Kinh tế và Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh. Lực lượng nhân sự của Khoa Kinh tế hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học của chương trình nâng cao dự kiến.

Bảng 1. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy trong chương trình đào tạo nâng cao dự kiến mở của Khoa

STT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu ⁽¹⁾ ; Quốc tịch	Chức danh khoa học ⁽²⁾ , năm phong	Trình độ, năm nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ⁽³⁾	Loại hợp đồng ⁽⁴⁾ ; ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm	Số công trình đã công bố		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Bùi Thị Kim Hoàng, 02/04/1983	25681362		Thạc sỹ, Việt Nam, 2013	Quản trị kinh doanh	2016		4797909432511	8 năm		4	
2	Dương Thị Thu Thịnh, 04/07/1993	054193007461		Thạc sỹ, Việt Nam, 2011	Quản lý Kinh tế	2022		7938334597	2 năm		4	
3	Đặng Lê Hoa, 23/09/1976	23340546		Tiến sỹ, Úc, 2014	Kinh tế nông nghiệp và tài nguyên	2003		4790299029467	21 năm		8	
4	Hà Thị Thu Hòa, 20/01/1986	25615477		Thạc sỹ, Ba Lan, 2010	Hệ thống thông tin quản lý	2011		4797911470350	13 năm		7	
5	Hoàng Oanh Thoa, 30/07/1979	23576126		Thạc sỹ, Việt Nam, 2009	Tài chính ngân hàng	2002		4790202171489	22 năm		1	

6	Hoàng Thế Vinh, 25/06/1982	280828685		Thạc sỹ, Hàn Quốc, 2011	Quản trị kinh doanh	2011		7911470344	13 năm		6	
7	Khúc Đình Nam, 29/10/1977	25813371		Thạc sỹ, Việt Nam, 2008	Quản trị kinh doanh	2011		4201000295	13 năm		25	
8	Lê Ánh Tuyết, 24/08/1978	75178000461		Thạc sỹ, Việt Nam, 2007	Kinh tế nông nghiệp	2002		4790202077324	22 năm		1	
9	Lê Công Trứ, 26/09/1967	23108217		Tiến sỹ, Úc, 2011	CNTT trong Kinh Doanh	1989		4790296312447	35 năm		18	
10	Lê Na, 22/04/1984	183371884		Thạc sỹ, Việt Nam, 2017	Quản trị kinh doanh	2011		4797911160856	13 năm		4	
11	Lê Quang Thông, 13/06/1963	23679729		Tiến sỹ, Philippines, 1999	Kinh tế nông nghiệp	1986	Thỉnh giảng	29631245	38 năm		30	
12	Lê Thành Hưng, 03/03/1978	79078007620		Thạc sỹ, Đài Loan, 2001	Quản trị kinh doanh	2001		201107689	23 năm		4	
13	Nguyễn Văn Cường, 05/04/1989	271816036		Thạc sỹ, 2016	Kinh tế	2012		7912194506	12 năm		25	
14	Nguyễn Minh Tôn, 20/06/1987	240885956		Thạc sỹ, Việt Nam, 2015	Kinh tế Nông nghiệp	2011		4797911160851	13 năm		13	
15	Nguyễn Ngọc Thùy, 30/12/1970	049070000378		Tiến sỹ, Hoa Kỳ, 2007	Sinh thải	1994		0296312699	30 năm		27	

16	Nguyễn Thị Bình Minh, 28/01/1982	23676197	Thạc sỹ, Việt Nam, 2008	Quản trị kinh doanh	2006		206100991	18 năm		31	
17	Nguyễn Thị Nhật Linh, 26/03/1987	285248272	Thạc sỹ, Việt Nam, 2012	Luat quốc tế	2015		7915183531	9 năm		1	
18	Phạm Thị Nhiên, 10/11/1980	290671868	Thạc sỹ, Việt Nam, 2007	Kinh tế nông nghiệp	2005		479 0205087861	19 năm		2	
19	Phạm Thu Phương, 25/01/1988	1188028475	Thạc sỹ, Việt Nam, 2016	Kế Toán	2012		4797912194498	12 năm		4	
20	Nguyễn Thị Minh Đức, 20/10/1983	25933145	Thạc sỹ, Việt Nam, 2011	Kế toán Kiểm Toán	2006		4790206100997	18 năm		3	
21	Nguyễn Ý Nguyễn Hân, 08/07/1979	79179006231	Thạc sỹ, Việt Nam, 2007	Kế toán Kiểm Toán	2005		4790205348136	19 năm		2	
22	Phạm Thùy Dung, 28/01/1988	24089889	Thạc sỹ, Anh Quốc, 2012	Quản trị kinh doanh	2014		4797911240436	10 năm		11	
23	Phan Thị Lệ Hằng, 06/09/1989	215171768	Thạc sỹ, Việt Nam, 2016	Quản trị kinh doanh	2012		4797912194505	12 năm		5	
24	Trần Đình Lý, 28/10/1965	0440065007580	Tiến sỹ, Việt Nam, 2012	Kinh tế nông nghiệp	1990		479 0296312632	34 năm		11	

25	Trần Đức Luân, 09/12/1978	300878230	Thạc sỹ, Việt Nam, 2006	Phát triển nông thôn	2000		4790200118683	24 năm		6	
26	Trần Hoài Nam, 14/08/1980	24936889	Thạc sỹ, Việt Nam, 2007	Kinh tế Nông nghiệp	2007		4790207101671	17 năm		11	
27	Trần Minh Dạ Hạnh, 04/04/1989	276108214	Thạc sỹ, Việt Nam, 2015	Kế Toán	2012		4797912194501	12 năm		6	
28	Trần Minh Trí, 05/06/1978	281404493	Thạc sỹ, Việt Nam, 2007	Phát triển xã hội	2001		4790201107691	23 năm		21	
29	Trương Thị Kim Thủy, 18/02/1988	321359680	Thạc sỹ, Việt Nam, 2016	Kế Toán	2011		4797911160850	13 năm		2	
30	Vũ Thanh Liêm, 27/09/1965	56065000065	Thạc sỹ, Đài Loan, 2009	Quản trị kinh doanh	2000		4790201020910	24 năm		1	
31	Lê Thị Kim Thảo, 28/01/1992	054192008048	Thạc Sĩ, Đức, 2021	Quản trị kinh doanh	2024	Tập sự	7915101281			1	
32	Phạm Thị Ngọc Thư, 14/09/1988	056188000325	Thạc sỹ, Việt Nam, 2014	Kinh tế quốc tế	2024		7911103283	12 năm		6	
33	Lê Thị Quý Chung, 04/7/1994	054194011386	Thạc sỹ, Việt Nam, 2018	Quản lý kinh tế	2018	Thỉnh giảng	5421163099	6 năm		1	

Đính kèm Lý lịch khoa học, bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng, bản sao văn bằng của giảng viên cơ hữu đúng ngành hoặc có

chuyên môn phù hợp với chương trình đào tạo nâng cao dự kiến mở.

Bảng 2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo nâng cao dự kiến mở của Khoa

STT	Họ và tên	Học phần giảng dạy	Thời gian (học kỳ, năm học)	Ngôn ngữ giảng dạy ^(*)	Số tín chỉ				Loại giảng viên ^(**)
					Bắt buộc		Tự chọn		
					Thực tiếp	Thực tuyển	Thực tiếp	Thực tuyển	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Trần Đình Lý	- Marketing căn bản - Quản trị Marketing	HK1, năm 2 HK1, năm 3	Tiếng Anh Tiếng Anh	2 3				Cơ hữu
2	Lê Công Trứ	- Kinh tế lượng căn bản	HK2, năm 2	Tiếng Anh	3				Cơ hữu
3	Hà Thị Thu Hòa	- Thị trường chứng khoán - Quản trị rủi ro - Quản trị tài chính	HK2, năm 3 HK2, năm 3 HK1, năm 3	Tiếng Việt Tiếng Việt Tiếng Anh	2 3		2		Cơ hữu
4	Vũ Thanh Liêm	- Đàm phán thương lượng - Văn hóa doanh nghiệp - Kinh doanh quốc tế - Nghiệp vụ ngoại thương	HK1, năm 4 HK2, năm 4 HK1, năm 4 HK2, năm 3	Tiếng Việt Tiếng Việt Tiếng Anh Tiếng Việt			2 3		Cơ hữu
5	Phạm Thùy Dung	- Quản trị văn phòng - Nghiệp vụ ngoại thương - Quản trị chất lượng ứng dụng - Quản trị tài chính	HK2, năm 2 HK2, năm 3 HK1, năm 4 HK1, năm 3	Tiếng Anh Tiếng Việt Tiếng Anh Tiếng Anh	2 2 3 3				Cơ hữu
6	Trương Thị Kim Thủy	- Thẩm định giá	HK1, năm 4	Tiếng Việt			2		Cơ hữu
7	Bùi Thị Kim Hoàng	- Quản trị nhân sự - Thương mại điện tử	HK2, năm 2 HK2, năm 3	Tiếng Anh Tiếng Việt	3 2				Cơ hữu
8	Nguyễn Thị Bình Minh	- Quản trị nhân sự - Kinh doanh quốc tế - Quản trị sản xuất	HK2, năm 2 HK1, năm 4 HK1, năm 3	Tiếng Anh Tiếng Anh Tiếng Việt	3 3 3				Cơ hữu
9	Nguyễn Thị Nhật Linh	- PPNCKH trong quản trị - Tiếng anh chuyên ngành Quản trị - Tiếng anh chuyên ngành nâng cao - Luật thương mại	HK1, năm 4 HK2, năm 3 HK2, năm 4 HK2, năm 2	Tiếng Anh Tiếng Anh Tiếng Anh Tiếng Việt	2		2 3		Cơ hữu

10	Phan Thị Lệ Hằng	- Quản trị sản xuất - Phân tích kinh doanh - Dự án đầu tư	HK1, năm 3 HK2, năm 2 HK1, năm 4	Tiếng Việt Tiếng Việt Tiếng Việt	3			2 3	Cơ hữu
11	Nguyễn Thị Minh Đức	- Nguyên lý kế toán	HK1, năm 2	Tiếng Anh	3				Cơ hữu
12	Lê Na	- Hành vi tổ chức - Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh - Nghiên cứu thị trường - Ứng dụng CNTT trong quản lý - Quản trị học	HK1, năm 3 HK1, năm 2 HK1, năm 3 HK2, năm 2 HK2, năm 1	Tiếng Việt Tiếng Anh Tiếng Việt Tiếng Việt Tiếng Anh	3 3 3 2		2 2	Cơ hữu	
13	Lê Thành Hưng	- Khởi nghiệp - Quản trị chiến lược	HK2, năm 4 HK2, năm 2	Tiếng Việt Tiếng Việt	3 3				Cơ hữu
14	Lê Ánh Tuyết	- Quản trị chiến lược - Quản trị Marketing - Quản trị học	HK2, năm 2 HK1, năm 3 HK2, năm 1	Tiếng Việt Tiếng Anh Tiếng Anh	3 3 2				Cơ hữu
15	Lê Quang Thông	- Marketing căn bản - Kiến tập chuyên ngành quản trị - Seminar chuyên ngành - Kiến tập thị trường	HK1, năm 2 HK1, năm 4 HK2, năm 4 HK2, năm 3	Tiếng Anh Tiếng Việt Tiếng Anh Tiếng Việt	2 2 2		2	Thỉnh giảng	
16	Dương Thị Thu Thịnh	- Động thái khách hàng - Thương mại điện tử	HK1, năm 3 HK2, năm 3	Tiếng Việt Tiếng Việt	2		2	Cơ hữu	
17	Trần Hoài Nam	- Quản trị chuỗi cung ứng	HK2, năm 3	Tiếng Việt			3	Cơ hữu	
18	Trần Đức Luân	- Dự án đầu tư - Kinh tế lượng căn bản	HK1, năm 4 HK2, năm 2	Tiếng Việt Tiếng Anh	3		3	Cơ hữu	
19	Trần Minh Trí	- Kinh tế vi mô 1	HK2, năm 1	Tiếng Anh	3			Cơ hữu	
20	Nguyễn Văn Cường	- Kinh tế vĩ mô 1	HK1, năm 1	Tiếng Anh	2			Cơ hữu	
21	Hoàng Oanh Thoa	- Tài chính tiền tệ - Tín dụng ngân hàng	HK1, năm 2 HK1, năm 3	Tiếng Anh Tiếng Việt	2		3	Cơ hữu	
22	Đặng Lê Hoa	- Kinh tế vi mô 2	HK1, năm 2	Tiếng Anh			2	Cơ hữu	
23	Phạm Thị Nhiên	- Thống kê doanh nghiệp - Phân tích định lượng trong quản lý	HK1, năm 2 HK2, năm 3	Tiếng Việt Tiếng Anh	3		3	Cơ hữu	
24	Nguyễn Minh Tôn	- Nguyên lý thống kê kinh tế	HK1, năm 2	Tiếng Việt	3			Cơ hữu	
25	Nguyễn Duyên Linh	- Phong thủy ứng dụng	HK1, năm 2	Tiếng Việt			3	Cơ hữu	

26	Trần Minh Dạ Hạnh	- Nguyên lý kế toán		HK1, năm 2	Tiếng Anh	3				Cơ hữu
27	Khúc Đình Nam	- Pháp luật thuế		HK1, năm 3	Tiếng Việt		3			Cơ hữu
28	Phạm Thu Phương	- Kế toán quản trị		HK2, năm 3	Tiếng Việt		3			Cơ hữu
29	Nguyễn Ngọc Thuỳ	- Tiếng anh chuyên ngành Quản trị - Tiếng anh chuyên ngành nâng cao		HK2, năm 3 HK2, năm 4	Tiếng Anh Tiếng Anh		2 3			Cơ hữu
30	Hoàng Thế Vinh	- Khởi nghiệp - Marketing thương mại		HK2, năm 4 HK2, năm 3	Tiếng Việt Tiếng Việt	3	3			Cơ hữu
31	Lê Thị Kim Thảo	- Tiếng anh chuyên ngành Quản trị - Kinh doanh quốc tế		HK2, năm 3 HK1, năm 4	Tiếng Anh Tiếng Anh	3	2			Tập sự
32	Phạm Thị Ngọc Thư	- Hành vi tổ chức - Nghiên cứu thị trường		HK1, năm 3 HK1, năm 3	Tiếng Việt Tiếng Anh	3	2			Cơ hữu
33	Lê Thị Quý Chung	- Quản trị rủi ro - Khởi nghiệp - Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh		HK2, năm 3 HK2, năm 4 HK1, năm 2	Tiếng Việt Tiếng Việt Tiếng Anh	2		2		Thỉnh giảng

Bảng 3. Danh sách cán bộ quản lý cấp Khoa và cố vấn học tập đối với chương trình đào tạo nâng cao dự kiến mở trình độ đại học

STT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/chuyên ngành	Cán bộ quản lý cấp Khoa	Cố vấn học tập	Ghi chú
1	Lê Công Trứ 26/09/1967 Trưởng khoa Kinh tế	♦ 1989 - Cử nhân ♦ 1997 - Thạc sỹ ♦ 2012 - Tiến sỹ	♦ Kinh tế nông nghiệp ♦ Kinh tế nông nghiệp ♦ Hệ thống thông tin kinh doanh	x		
2	Đặng Lê Hoa 23/09/1976 Phó Trưởng khoa Kinh tế	♦ 1998 - Kỹ sư ♦ 2002 - Thạc sỹ ♦ 2014 - Tiến sỹ	♦ Kinh tế vận tải biển ♦ Kinh tế phát triển ♦ Kinh tế nông nghiệp và tài nguyên	x		
3	Lê Thành Hưng 03/03/1978 Phó Trưởng khoa Kinh tế	♦ 2001 - Cử nhân ♦ 2007 - Thạc sỹ	♦ Kinh tế nông nghiệp ♦ Quản trị kinh doanh	x		
4	Hà Thị Thu Hòa 20/01/1986 Phó Trưởng bộ môn quản trị	♦ 2008 - Cử nhân ♦ 2010 - Thạc sỹ	♦ Kinh tế nông nghiệp ♦ Hệ thống thông tin quản lý		x	
5	Lê Quang Thông 13/06/1963 Giảng viên	♦ 1986 - Cử nhân ♦ 1993 - Thạc sỹ ♦ 1999 - Tiến sỹ	♦ Kinh tế nông nghiệp ♦ Kinh tế nông nghiệp ♦ Kinh tế nông nghiệp		x	
6	Lê Na 22/04/1984 Giảng viên	♦ 2010 - Cử nhân ♦ 2015 - Thạc sỹ	♦ Quản trị kinh doanh ♦ Quản trị kinh doanh		x	
7	Phạm Thùy Dung 28/01/1988 Giảng viên	♦ 2010 - Cử nhân ♦ 2012 - Thạc sỹ	♦ Quản trị thương mại ♦ Tài chính và thương mại quốc tế		x	
8	Phan Thị Lệ Hằng 06/09/1989 Giảng viên	♦ 2011 - Cử nhân ♦ 2016 - Thạc sỹ	♦ Quản trị kinh doanh ♦ Quản trị kinh doanh		x	

3. Về kết quả nghiên cứu khoa học

Bảng 4. Các đề tài nghiên cứu khoa học của Khoa, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến chương trình đào tạo nâng cao

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Loại đề tài ⁽¹⁾	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiên cứu	Kết quả nghiên cứu	Tên thành viên tham gia ⁽²⁾	Ghi chú
1	CS-CB17-KT-03	Cấp cơ sở	Nghiên cứu sự phù hợp giữa chương trình đào tạo bậc đại học với công việc tại khu chế xuất Linh Trung	Phạm Thị Nhiên	2017	2018	Tốt	Nguyễn Thị Bình Minh, Khúc Đình Nam, Nguyễn Văn Cường	
2	CS-CB17-KT-04	Cấp cơ sở	Đánh giá hoạt động hợp tác trồng bắp giống theo hình thức hợp đồng tại xã Phước Tân, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Trần Đức Luân	2017	2018	Tốt	Trần Thanh Giang	
3	CS-CB17-KT-05	Cấp cơ sở	Các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng công nghệ mới vào sản xuất cây măng tây tại xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận	Nguyễn Minh Tôn	2017	2018	Tốt	Nguyễn Minh Tôn	
4	CS-CB17-KT-08	Cấp cơ sở	Đánh giá thành quả hoạt động của trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh: Áp dụng Bảng điểm cân bằng (BSC)	Phạm Thu Phương	2017	2018	Khá	Nguyễn Thị Ngọc Hà	
5	CS-CB17-KT-09	Cấp cơ sở	Phân tích và đánh giá hành vi kiểm soát rủi ro về thuế tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Ý Nguyễn Hân	2017	2018	Khá	Nguyễn Ý Nguyễn Hân, Nguyễn Thị Minh Đức	
6	CS-CB18-KT-01	Cấp cơ sở	Nghiên cứu sự thích ứng của ngư dân với tình trạng suy giảm nguồn tài nguyên: Trường hợp tỉnh Phước Hải, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Phạm Thị Hồng Nhung	2018	2020	Tốt	Nguyễn Thị Nhật Linh, Trần Thanh Giang	
7	CS-CB18-KT-06	Cấp cơ sở	Tăng cường lên kết trong sản xuất, tiêu thụ chè của các hộ nông dân trồng chè ở tỉnh Lâm Đồng	Bùi Xuân Nhã	2019	2020	Khá	Nguyễn Ngọc Thuỳ, Lê Na	

8	CS- CB18- KT-03	Cấp cơ sở	Nghiên cứu các yếu tố tác động đến hành vi tiêu dùng thực phẩm hữu cơ của người tiêu dùng việt nam: trường hợp nghiên cứu ở Tp.HCM	Hà Thị Thu Hoa	2019	2020	Tốt	Đặng Lê Hoa, Nguyễn Thị Nhật Linh	
9	CS- CB18- KT-05	Cấp cơ sở	Đánh giá sự tuân thủ nguyên tắc trong sử dụng thuốc bảo vệ thực vật của nông hộ trồng rau tại tỉnh Lâm Đồng	Trần Hoài Nam	2019	2020	Tốt	Trần Hoài Nam, Nguyễn Minh Tôn, Nguyễn Văn Cường	
10	CS- CB18- KT-10	Cấp cơ sở	Phân tích tác động nhận thức về an toàn thực phẩm đối với hành vi tiêu dùng sâu riêng của người dân tại Thành phố Hồ Chí Minh	Bùi Thị Kim Hoàng	2019	2020	Khá	Phạm Thuỳ Dung	
11	CS- CB18- KT-08	Cấp cơ sở	Nghiên cứu nhận thức trách nhiệm xã hội của sinh viên trường đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh	Lê Na	2019	2020	Khá	Phan Thị Lệ Hằng Trần Minh Dạ Hạnh Lê Thành Hưng	
12	CS- CB19- KT-07	Cấp cơ sở	Phân tích các yếu tố kinh tế, xã hội tác động đến sự hội nhập của người dân nhập cư vào quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh	Tiêu Nguyễn Thảo	2019	2020	Khá	Khúc Đình Nam, Nguyễn Thị Bình Minh	
13	CS- CB19- KT-01	Cấp cơ sở	Khám phá quyết định tiêu dùng thịt heo có xuất xứ nguồn gốc trong bối cảnh dịch tả heo Châu Phi: trường hợp điển hình tại TPHCM	Đặng Đức Huy	2019	2020	Đạt	Trần Thanh Giang	
14	CS- CB19- KT-03	Cấp cơ sở	Tham gia tín dụng trong nông nghiệp công nghệ cao: trường hợp tại tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Đàm Thị hai Âu	2019	2020	Tốt	Trần Thanh Giang, Trần Minh Dạ Hạnh	
15	CS- CB18- KT-04	Cấp cơ sở	Đánh giá mức sẵn lòng trả của người dân cho giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu đối với dự án giảm ngập nước tại TP. HCM	Mai Đình Quý	2019	2020	Tốt	Phạm Thu Phương	
16	CS- CB18- KT-07	Cấp cơ sở	Phân tích tính dễ bị tổn thương của các nông hộ sản xuất chè quý mô nhỏ tại tỉnh Lâm Đồng	Nguyễn Ngọc Thuỳ	2019	2020	Khá	Lê Na	
17	CS- CB19- KT-04	Cấp cơ sở	Phân tích thực trạng và tác động của tín dụng đến thu nhập	Phạm Thị Nhiên	2019	2020	Tốt	Nguyễn Duyên Linh, Nguyễn Văn Cường	

26	CS-CB21-KT-05	Cấp cơ sở	Xây dựng dự toán ngân sách cho các Doanh Nghiệp Sản Xuất Hàng May Mặc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Minh Đức	2021	2022	Tốt	Hoàng Oanh Thoa, Nguyễn Ý Nguyên Hân	
27	CS-CB21-KT-04	Cấp cơ sở	Phân tích các nhân tố tác động đến việc áp dụng công cụ 5s tại các công ty ngành dệt may ở một số khu công nghiệp trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh	Phạm Thùy Dung	2021	2022	Đạt	Nguyễn Thị Bình Minh, Bùi Thị Kim Hoàng, Phan Thị Lệ Hằng	
28	CS-CB21-KT-01	Cấp cơ sở	Phân tích sự tham gia thị trường của hộ sản xuất gồm Bầu Trúc, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận	Nguyễn Bạch Đằng	2021	2022	Đạt	Nguyễn Văn Cường	
29	CS-CB21-KT-07	Cấp cơ sở	Khảo sát chức năng ngôn ngữ văn bản hợp đồng kinh tế	Nguyễn Thị Nhật Linh	2021	2022	Đạt	Hà Thị Thu Hòa, Lê Thanh Hưng	
30	CS-CB21-KT-10	Cấp cơ sở	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thành quả hoạt động của các công ty trên sàn giao dịch chứng khoán tại Việt Nam	Lê Na	2021	2022	Tốt	Phan Thị Lệ Hằng, Lê Ánh Tuyết, Lê Thanh Hưng	
31	CS-CB21-KT-11	Cấp cơ sở	So sánh sự tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng cá nhân về dịch vụ Internet Banking và Mobile Banking tại TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Bình Minh	12021	2022	Tốt	Khúc Đình Nam, Phan Thị Lệ Hằng	
32	CS-CB21-KT-12	Cấp cơ sở	Phân tích rủi ro trong sản xuất cà phê của nông hộ vùng Cầu Đất Thành Phố Đà Lạt	Nguyễn Văn Cường	2021	2022	Tốt	Trần Hoài Nam, Nguyễn Minh Tôn	
33	CS-CB21-KT-05	Cấp cơ sở	Hoàn thiện mô hình dự toán chi phí sản xuất sản phẩm tại các Công ty thành viên thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam	Nguyễn Thị Minh Đức	2021	2022	Tốt	Nguyễn Ý Nguyên Hân, Hoàng Oanh Thoa	
34	CS-CB21-KT-08	Cấp cơ sở	Phân tích các yếu tố cản trở việc quyết định áp dụng mô hình nuôi heo an toàn VietGAP tại vùng Đồng Nam Bộ	Mai Đình Quý	2021	2023	Tốt	Phạm Thu Phương, Nguyễn Văn Cường	
35	CS-CB21-TS-06	Cấp cơ sở	Khám phá hành vi tiêu dùng sản phẩm thủy sản hữu cơ của người tiêu dùng Việt Nam:	Mai Đăng Tiến	2021	2023	Tốt	Trần Thanh Giang	

Bảng 5. Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1	Lê Quang Thông và Trương Thị Thu Hương (2017), Sự hài lòng của du khách đối với dịch vụ du lịch dựa vào cộng đồng tại làng nghề rau Trà Quế, Tp Hội An, <i>Tạp chí Kinh tế và Dự báo</i> , 31-34	
2	Lê Quang Thông, Thái Anh Hòa, Phạm Minh Trí (2017), So sánh cách tiếp cận phân tích công việc với mô hình năng lực trong quản trị nguồn nhân lực, <i>Khoa học và Đào tạo Ngân hàng</i> , 52-61	
3	Lê Quang Thông, Thái Anh Hòa, Lê Nhị Bảo Ngọc (2017), Mô hình dự báo giá bán tôm sú tại công trại, vùng Đồng bằng Sông Cửu long, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 19-24	
4	Hà Thị Thu Hoà, Trần Hoài Nam (2017), Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định dừng canh tác khoai tây của nông hộ tại xã Xuân Thọ, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, <i>Tạp chí Công Thương</i> , số 12, 146-152	
5	Trần Hoài Nam, Nguyễn Thị Thu Hà (2017), Đánh giá khả năng thích ứng của nông hộ đối với xâm nhập mặn tại Cù Lao Dài, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, <i>Tạp chí Công Thương</i> , số 8, 190-195	
6	Tran Hoai Nam, Nguyen Van Cuong, Do Minh Hoang (2017), The effects of drought in adaptability of farmers' agricultural production: A case study of Ninh Thuan Province, <i>Tạp chí Công thương</i> , số 8, pp 149-157	
7	Trần Hoài Nam, Lê Vũ, Nguyễn Duyên Linh, Nguyễn Anh Tuấn, Trần Đức Lập (2017), Tối ưu hóa các yếu tố đầu vào trong canh tác cà phê tại huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng, <i>Tạp chí Đại học Văn Hiến</i> , số 3, 63-72	
8	Trần Hoài Nam, Lê Vũ (2017), Đánh giá lợi thế so sánh ngành chăn nuôi bò sữa tại tỉnh lâm đồng trong bối cảnh hội nhập, <i>Tạp chí Công thương</i> , số 7, 112-118	
9	Trần Hoài Nam, Đỗ Minh Hoàng (2017), Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật trong chăn nuôi bò sữa tại huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng, <i>Tạp chí Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn</i> , số 6, 32-38	
10	Phạm Thị Nhiên (2017), Nghiên cứu sự phù hợp giữa chương trình đào tạo bậc đại học với việc làm tại khu chế xuất Linh Trung, <i>Tạp chí Công thương</i> Số 3, năm 2018, 244 - 251	
11	Phạm Thu Phương, Mai Đình Quý, Bùi Công Luận, Nguyễn Thị Ngọc Hà (2018), Đánh giá hiệu quả hoạt động của trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh: Áp dụng bảng điểm cân bằng (BSC), <i>Tạp chí Công Thương</i> , số 14, 153-160	
12	Lê Na, Phạm Thu Phương, Đặng Thanh Tùng, Mai Đình Quý, Châu Tấn Lực, Phạm Thị Thùy Trinh (2018), Phân tích hiệu quả sử dụng nước trong canh tác nho tại Ninh Thuận, <i>Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp - Số 2</i>	
13	Nguyễn Duyên Linh và cộng sự (2018), Các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng công nghệ mới vào sản xuất cây măng tây tại xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận, <i>Tạp chí công thương</i> , 12, 26 – 30	
14	Lê Quang Thông, Thái Anh Hòa, Lê Nhị Bảo Ngọc (2018), Sự truyền dẫn của giá bán tôm sú trong thị trường, <i>Tạp chí Khoa học Đại học Mở Tp HCM</i> , 13(1), 187-201	
15	Nguyễn Văn Cường và cộng sự (2018), Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sản xuất rau an toàn của nông hộ tại huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng, <i>Tạp chí công thương</i> , 11, 254-261	
16	Nguyễn Văn Cường và cộng sự (2018), “Farmers’ Willingness to Accept for Safe Vegetables Production in Don Duong District, Lam Dong Province, Vietnam, 2nd International Scientific Conference on Sustainable Agriculture and Environment is co-organized by Nong Lam University, Ho Chi Minh, Vietnam, The University of Queensland, Australia and Okayama University, Japan	
17	Trần Hoài Nam và cộng sự (2018), <i>An Analysis of actor affecting to farmer’s participation in agricultural extension program in Ninh Phuoc district, Ninh Thuan Province</i> , International Scientific Conference “Sustainable Agriculture and Environment” (SAE), December 13 - 15, 2018	

18	Trần Hoài Nam, Đỗ Minh Hoàng (2018), Đánh giá mức độ hài lòng của nông hộ đối với chất lượng dịch vụ chương trình khuyến nông tại huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận, <i>Tạp chí nông nghiệp và phát triển nông thôn</i> kỳ 4/2018	
19	Nguyễn Thị Nhật Linh và Nguyễn Bạch Đằng, Phạm Thị Hồng Nhung, Phạm Thị Thuý (2018), Hiệu quả kinh tế của hoạt động khai thác hải sản: trường hợp một thị trấn ven biển ở Việt Nam, <i>Tạp chí khoa học chính trị</i> , số 10, 52-58	
20	Trần Thanh Giang và cộng sự (2018), <i>An Economic Analysis of Smallholder Shrimp Integrated Farming Systems in Ben Tre Province, Vietnam</i> , 2nd International Scientific Conference on Sustainable Agriculture and Environment is co-organized by Nong Lam University, Ho Chi Minh, Vietnam, The University of Queensland, Australia and Okayama University, Japan	
21	Trần Đức Luân và cộng sự (2019), Đổi mới tổ chức sản xuất và thúc đẩy nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong xây dựng nông thôn mới ở vùng Đông Nam Bộ, <i>Tạp chí Công Nghiệp Nông Thôn</i> , số 34	
22	Lê Na (2019), Nghiên cứu nhận thức của sinh viên Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, <i>Nông nghiệp và phát triển</i> , 18(5), 1-9	
23	Nguyễn Thị Bình Minh, Nguyễn Văn Cường, Phạm Thị Nhiên, Khúc Đình Nam (2019), Thực trạng và giải pháp nâng cao sự phù hợp giữa chương trình đào tạo bậc đại học với việc làm tại khu chế xuất Linh Trung, <i>Tạp chí Khoa học Yersin</i> , số 5, 49-60	
24	Phạm Thị Nhiên và cộng sự (2019), Application of SARIMA model to forecasting the natural rubber price in the world market, <i>The journal of agriculture and development</i> , Vol. 17 (6), pp. 1-7	
25	Phạm Thị Nhiên (2019), <i>Apply Sarima (Seasonal Arima) model to forecast the price on the world natural rubber market</i> , 2nd International Scientific Conference on Sustainable Agriculture and Environment	
26	Nguyễn Văn Cường, Phạm Thị Nhiên, Nguyễn Thị Bình Minh, Khúc Đình Nam (2019), Thực trạng và giải pháp nâng cao sự phù hợp giữa chương trình đào tạo bậc đại học với việc làm tại khu chế xuất Linh Trung, <i>Tạp chí Khoa học Yersin</i> , số 5, 49-60	
27	Tran Minh Da Hanh, Hoang Ha Anh, Yao Shunbo (2019), Assessment of the Household's Flood Social Vulnerability in Vietnam's Mekong River Delta, <i>Journal of Environmental Science and Management</i> , 22(2).	
28	Trần Hoài Nam, Đỗ Minh Hoàng (2019), Đo lường hiệu quả của sự tuân thủ nguyên tắc trong sử dụng thuốc bảo vệ thực vật của nông hộ trồng rau tại tỉnh Lâm Đồng, <i>Tạp chí Đại học Văn Hiến</i> , 6, 122-131	
29	Trần Hoài Nam, Lê Thị Huệ Trang (2019), Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự tuân thủ nguyên tắc trong sử dụng thuốc bảo vệ thực vật của nông hộ trồng rau tại huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng, <i>Tạp chí Khoa học Yersin</i> , 5, 70-76.	
30	Trần Hoài Nam, Phạm Như Bình, Huỳnh Thanh (2019), Tác động của chương trình giảm nghèo đến khả năng thoát nghèo của các hộ dân tộc thiểu số tại huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận, <i>Tạp chí Khoa Học & Công Nghệ Nông Nghiệp</i> , số 1, 1091-1098	
31	Trần Hoài Nam, Lê Vũ, Trần Đức Lập (2019), Đánh giá khả năng tham gia liên kết giữa doanh nghiệp và nông hộ trong sản xuất khoai tây tại tỉnh Lâm Đồng, <i>Tạp chí Nông Nghiệp & Phát Triển</i> , số 1, 1-8	
32	Lê Thành Hưng, Bùi Thị Kim Hoàng, Phạm Thuý Dung (2020), <i>Hiệu quả kinh tế của việc sử dụng chế phẩm hóa học đối với sầu riêng sau thu hoạch tại tỉnh Tiền Giang</i> , số 4/2020, 28-31	
33	Lê Na, Bùi Xuân Nhã, Nguyễn Ngọc Thuý, Lâm Thị Mộng Thu, Đặng Minh Phương, Mai Đình Quý (2020), Các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng VietGAP trong sản xuất chè búp tươi tại tỉnh Lâm Đồng, <i>Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i> , số 12, 125-131	
34	Lê Na, Bùi Xuân Nhã, Nguyễn Ngọc Thuý, Đặng Minh Phương, Mai Đình Quý (2020), Các nhân tố ảnh hưởng đến liên kết của nông hộ trong sản xuất chè tại tỉnh Lâm Đồng, <i>Tạp chí Kinh tế và dự báo</i> , số 15, 20-23	

35	Tran Hoai Nam, Tran Doc Lap, Le Vu, Nguyen Minh Ton, Nguyen Van Cuong (2020), Analysis of factors affecting the awareness probability about the fair-trade model of the coffee farmers in Xuan Truong commune, Dalat city, Lam Dong province, <i>Van Hien University Journal of Science</i> , volume 7	
36	Trần Hoài Nam, Đỗ Minh Hoàng, Lê Vũ, Đỗ Minh Hoàng (2020), Đánh giá chất lượng hoạt động liên kết giữa thương lái và nông hộ sản xuất rau tại huyện đơn dương, tỉnh lâm đồng, <i>Tạp chí khoa học và công nghệ Lâm nghiệp</i> , số 3, 123 – 130	
37	Trần Hoài Nam, Đỗ Minh Hoàng (2020), Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng duy trì mối liên kết giữa thương lái và nông hộ sản xuất rau tại huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng, <i>Tạp chí Đại học Văn Hiến</i> , số 3, 1-12	
38	Bùi Thị Kim Hoàng, Nguyễn Thị Mỹ Tiên, Đặng Lê Khoa (2021), Những yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng Ethepon cho sầu riêng sau thu hoạch tại tỉnh Tiền Giang, <i>Tạp chí khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh</i> , số 3	
39	Phạm Thùy Dung, Hoàng Thế Vinh, Nguyễn Trọng Tín (2020), Phân tích các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường ĐH Nông Lâm TP.HCM, <i>Tạp chí Tài chính Doanh nghiệp</i> , số 12, 30-35	
40	Nguyễn Thị Bình Minh, Khúc Đình Nam, Tiêu Nguyên Thảo, Nguyễn Thị Kiều Hạnh (2020), Các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp hành pháp luật thuế của các hộ kinh doanh tại Quận Thủ Đức - Tp. Hồ Chí Minh, <i>Tài Chính Doanh Nghiệp</i> , số 03, 16-19	
41	Trần Minh Dạ Hạnh, Nguyễn Ngọc Thuỳ, Bùi Xuân Nhã, Hoàng Hà Anh (2020), Đánh giá chỉ số tổn thương sinh kế của các hộ sản xuất chè quy mô nhỏ tại tỉnh Lâm Đồng, <i>Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i> , số 19	
42	Hà Thị Thu Hòa và cộng sự (2020), <i>Relationship quality in the agricultural supply chain: a literature review</i> , Hội nghị SAE	
43	Phạm Thị Nhiên và cộng sự (2020), Tác động của tín dụng đến thu nhập của nông hộ trồng lúa trên địa bàn huyện Châu Thành Tỉnh Tây Ninh, <i>Tạp chí khoa học công nghệ lâm nghiệp</i> số 3 – tháng 8/2020	
44	Phạm Thị Nhiên và cộng sự (2020), <i>Heterogeneous effects of contract farming on rice farm household income in the Mekong Delta, VietNam</i> , Hội nghị SAE	
45	Trần Minh Trí (2020), <i>Năng lực lao động bậc đại học cho khối doanh nghiệp: sự khác biệt từ góc nhìn của lao động tiềm năng và nhà tuyển dụng</i> , Kỷ yếu hội thảo “Lý luận và thực tiễn phát triển thị trường lao động ở Việt Nam đến năm 2030 trong xu thế chuyển đổi số quốc gia	
46	Khúc Đình Nam, Nguyễn Thị Bình Minh, Nguyễn Thị Kiều Hạnh (2020), Tác động của yếu tố nhân khẩu học đến việc chấp hành thuế của các hộ kinh doanh tại TP. Hồ Chí Minh, <i>Tạp chí Tài Chính Doanh nghiệp</i> , số 9, 12-16	
47	Nguyễn Văn Cường và cộng sự (2020), <i>Determine the willingness to pay a premium for safe vegetables: a case study for consumer in An Giang Province</i> , Hội nghị SAE	
48	Nguyen Van Cuong, Do Minh Hoang (2020), <i>Analysis of factors affecting to probability of linkage between wholesalers and farmer's vegetables in Don Duong district, Lam Dong province</i> , Hội nghị SAE, 7(3), 92-104	
49	Nguyễn Thị Nhật Linh và cộng sự (2020), <i>Adaptive strategies of fishers in the context of fishers degradation</i> . Hội nghị SAE 2020, Hội nghị SAE	
50	Nguyễn Thị Nhật Linh (2021), Phân tích hệ thống chuyển tác trong các hợp đồng kinh tế Tiếng Việt trên cơ sở lý thuyết ngữ pháp chức năng hệ thống, <i>Tạp chí VNU Journal for Foreign Studies</i> , Vol. 37, No. 6 (2021)	
51	Nguyễn Thị Bình Minh, Khúc Đình Nam, Phan Thị Lệ Hằng (2021), Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng cá nhân về dịch vụ Internet Banking của các ngân hàng thương mại tại Thành phố Hồ Chí Minh, <i>Tạp chí HCMCOUJS-Kinh tế và Quản trị Kinh doanh</i> , 16(3), 121-134	
52	Nguyễn Thị Bình Minh, Tiêu Nguyên Thảo, Khúc Đình Nam (2021), Các yếu tố tác động đến sự hội nhập của người dân nhập cư vào quận Bình Tân, Thành Phố HCM, <i>Tạp chí Tài chính Doanh nghiệp</i> , số 4, 30-33	

53	Lê Na và cộng sự (2021), Các yếu tố tác động tới biện pháp phòng dịch tả lợn Châu phi của nông hộ tại Tỉnh Đồng Nai, <i>Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ</i> , tập 57, số 4D, 267-277	
54	Lê Na, Hồ Thị Phương Thảo, Nguyễn Ngọc Thuý (2021), Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện của người dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận, <i>TNU Journal of Science and Technology</i> , 226 (12), 79-85	
55	Dang Le Hoa, Poppy Arsil, Rumpoko Wicaksono, AfikHardanto (2021), Determinants of consumers' motivation towards ethnic food: evidence from Indonesia, <i>British Food Journal</i> . DOI 10.1108/BFJ-05-2021-0605	
56	Le Cong Tru, Pham Thi Anh Ngoc, Le vu, Pham Thi Thuyen, Pham Cong Hiep (2021) Technical and scale efficiency of intensive white-leg shrimp (<i>Litopenaeus vannamei</i>) farming in Vietnam: A data envelopment analysis, Alfons Oude Lansink, <i>Aquaculture Economics and Management</i> , https://doi.org/10.1080/13657305.2021.2003483	
57	Tran Thanh Giang, Dam Thi Hai Au, Nguyen Thi Tra My, Simon Dang (2021), Heterogeneous impacts of agri-tech on multi-dimensional aspects of agricultural sustainability: The Case of water-saving technology and polyhouse, <i>Journal of Sustainability Science and Management</i> , 16(8), 134-157	
58	Nguyễn Văn Cường, Phan Thị Thu Hương, Trần Nguyên Đông, Trần Chí Cường (2021), Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ nguyên tắc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất lúa tại tỉnh Đồng Tháp, <i>Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>	
59	Nguyễn Văn Cường, Diệp Thanh Hoa (2021), Phân tích thực trạng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa hữu cơ tại xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, <i>Tạp chí khoa học Yersin</i> , số 10, 28-40	
60	Trần Hoài Nam, Đặng Tường Anh Thư, Nguyễn Thị Trà, Nguyễn Hữu Lộc, Phạm Trung Hậu, (2021), Phân tích hiệu quả kinh tế trong sản xuất táo của nông hộ theo mô hình nhà lưới tại huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận, <i>Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh</i> , 17(2), 179-188	
61	Trần Hoài Nam, Phạm Trung Hậu, Nguyễn Hữu Lộc, Đặng Tường Anh Thư, Nguyễn Thị Trà (2021), Nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật (TE) trong sản xuất táo ta quy mô nông hộ tại huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận, niên vụ 2019-2020, <i>Tạp chí Đại học Văn Hiến</i> , số 5	
62	Nguyễn Minh Tôn, Trần Hoài Nam, Quý Minh Trung, Lê Thị Huệ Trang, Trần Độc Lập (2021), Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng áp dụng mô hình nhà lưới trong canh tác táo của nông hộ tại huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận, <i>Tạp chí khoa học Công Nghệ và Lâm Nghiệp</i> , số 1, 179-186	
63	Trần Hoài Nam, Đỗ Minh Hoàng (2021), Đo lường sự thay đổi hiệu quả kỹ thuật trong chăn nuôi bò sữa của nông hộ tại huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng, <i>Tạp chí khoa học Công Nghệ và Lâm Nghiệp</i> , số 5, 166-174	
64	Phan Thị Lệ Hằng, Nguyễn Thị Bình Minh, Khúc Đình Nam (2021), Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng cá nhân về dịch vụ internet banking của các ngân hàng thương mại tại Tp. Hồ Chí Minh, <i>Tạp chí Khoa học - ĐH mở TP. HCM</i> , tập 16(3)	
65	Dang Le Hoa, Pham Khanh Nam (2021), <i>Gender-differentiated impacts of climate change and adaptation strategies: The case of Mekong Delta, Vietnam</i> , The Economy & Environment Partnership for Southeast Asia EEPSEA Annual Conference 2021	
66	Trương Thị Kim Thủy, Nguyễn Thị Ngọc Hà, Phạm Thu Phương (2021), Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Dương, <i>Tạp chí Kinh tế và dự báo</i> , Số 6, tháng 02/2021	
67	Phan Thị Lệ Hằng, Nguyễn Thị Bình Minh, Khúc Đình Nam (2021), Mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng cá nhân về dịch vụ Internet Banking, <i>Tạp Chí Khoa Học Đại Học Mở Tp.HCM</i> , 16(3), 121-134	

68	Lê Quang Thông và cộng sự (2022), <i>E-book Công nghệ sau thu hoạch lúa gạo ở Việt Nam</i> , Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM	
69	Lê Quang Thông (2022), <i>Phân tích Phản ứng cung tôm sú ở Đồng bằng Sông Cửu Long</i> , Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP.HCM	
70	Lê Quang Thông và cộng sự (2022), <i>Benefit Sharing Mechanism In Forest Management: A Case Study On Forest Dependent Community In Central VIETNAM</i> , SAE Conference	
71	Hoang Ha Anh, N. N. Thuy (2022), <i>Socio-economic assessment of riverbank erosion from heavy boat traffic: A case study at the Cho Gao Canal, Tien Giang, Vietnam</i> , IOP Conf. Ser.: Earth Environ. Sci. 653 012094	
72	Hoàng Hà Anh, Trần Minh Dạ Hạnh, Bùi Xuân Nhã, Nguyễn Ngọc Thùy (2022), <i>Các Yếu Tố Ảnh Hưởng Đến Sự Thao Tung Báo Cáo Tài Chính Đối Với Các Doanh Nghiệp Niêm Yết Tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội</i> , 227(09), 186 - 194	
73	Hà Thị Thu Hòa và cộng sự (2022), <i>Factors affecting smallholder farmers' choice of marketing channels for agricultural products: A literature review</i> , The 4th International Conference on Sustainable Agriculture and Environment (Proceeding)	
74	Phạm Thùy Dung, Nguyễn Thị Bình Minh, Bùi Thị Kim Hoàng, Phan Thị Lệ Hằng (2022), <i>Thực trạng áp dụng công cụ 5S tại các công ty trong khu công nghiệp trên địa bàn Tp.HCM</i> , <i>Tạp chí Công thương</i> , số 9, 96 - 101	
75	Nguyễn Thị Minh Đức, Hoàng Oanh Thoa, Nguyễn Ý Nguyên Hân, Nguyễn Hữu Tịnh (2022), <i>Áp dụng phương pháp chi phí mục tiêu trong tính giá thành sản phẩm cho DN Dệt May</i> , <i>Tạp chí Tài Chính</i> , 60 - 62	
76	Nguyễn Thị Minh Đức, Hoàng Oanh Thoa, Nguyễn Ý Nguyên Hân, Nguyễn Hữu Tịnh (2022), <i>Phương pháp tính chi phí theo hoạt động - Activity-Based Costing-Vận dụng cho doanh nghiệp Dệt May</i> , <i>Tạp chí Kinh tế và dự báo</i> , 93 - 96	
77	Phạm Thùy Dung, Nguyễn Thị Bình Minh, Bùi Thị Kim Hoàng, Phan Thị Lệ Hằng (2022), <i>Các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng phương thức 5S vào hoạt động tại các công ty trong khu công nghiệp trên địa bàn Tp.HCM</i> , <i>Tạp chí Công thương</i> số 14, 64 - 69	
78	Nguyen Thi Binh Minh, Khuc Dinh Nam, Nguyen Hoang Nguyen (2022), <i>Customer intention to adopt QR code for payment: empirical research in HCM city, Vietnam</i> , <i>Journal of Trade Science</i> , 10(1), 50 - 63	
79	Nguyễn Thị Bình Minh và cộng sự (2022), <i>A modified ISS Model perspective: Determinants impacting individual customer satisfaction with Mobile Banking service in Ho Chi Minh city, Vietnam</i> , <i>Journal of Trade Science</i>	
80	Lê Na, Nguyễn Danh Thịnh, Trần Đình Lý (2022), <i>Nghiên cứu ảnh hưởng của hoạt động quản trị đến hiệu quả kinh doanh các công ty ngành bất động sản niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam</i> , <i>Tạp chí khoa học Đại học mở TP.HCM- Kinh tế và Quản trị kinh doanh</i> , 20 - 31	
81	Lê Na, Lê Minh Tiến, Hoàng Hà Anh, Nguyễn Ngọc Thùy (2022), <i>Phân tích các yếu tố hoạt động quản trị ảnh hưởng đến thành quả kinh doanh của các công ty công nghệ thông tin niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam</i> , <i>Van Hien University Journal of Science</i> , số 8, 1 - 14	
82	Lê Na, Hoàng Hà Anh, Trần Minh Dạ Hạnh, Nguyễn Ngọc Thùy (2022), <i>Đánh giá việc thao túng báo cáo tài chính của các doanh nghiệp trên sàn chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh</i> , 119 - 132	
83	Lê Na, Lê Minh Tiến, Hoàng Hà Anh, Nguyễn Ngọc Thùy (2022), <i>Phân tích các yếu tố hoạt động quản trị ảnh hưởng đến thành quả kinh doanh của các công ty công nghệ thông tin niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam</i> , <i>Van Hien University Journal of Science</i> , số 8, 1 - 14	
84	Trần Đức Luân và cộng sự (2022), <i>Tồn thương sinh kế và khả năng thích ứng với đại dịch Covid-19 của hộ gia đình tại phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức</i> , <i>Tạp chí phát triển Khoa học và Công nghệ - Kinh tế – Luật và Quản lý (ISSN 2588-1051)</i> của Đại Học Quốc Gia TP. HCM	

85	Trần Đức Luân (2022), Tư duy kinh tế trong sản xuất nông nghiệp và giống cây trồng: Lý luận và nghiên cứu thực tiễn, Hội thảo Tư duy kinh tế nông nghiệp trong sản xuất và thương mại giống cây trồng; tổ chức ngày 19/8/2022, Cục trồng trọt và Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn TP.HCM; Địa điểm: Trung tâm công nghệ Sinh học TP. HCM	
86	Dương Thị Thu Thịnh, Trần Hoài Nam, Nguyễn Minh Tôn, Nguyễn Thuỳ Dung, Trần Thị Minh Nương (2023), Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tin tưởng trong mối liên kết giữa nông hộ chăn nuôi bò sữa và doanh nghiệp tại huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng, <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp</i> , số 5, 152 - 159	
87	Trần Hoài Nam, Đặng Tường Anh Thư, Đinh Thị Phương Khanh, Lê Vũ (2022), Đánh giá chất lượng hoạt động liên kết giữa doanh nghiệp và nông hộ chăn nuôi bò sữa tại huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng, <i>Tạp chí Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh</i> , trang 19 - 31	
88	Phạm Trung Hậu, Trần Hoài Nam (2022), Đánh giá tác động của chương trình nông thôn mới đến cải thiện thu nhập hộ đồng bào dân tộc S'tiêng tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước, <i>Tạp chí nghiên cứu Tài chính – Marketing</i> , số 71, 115 - 126	
89	Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Ngọc Thùy, Phạm Thị Nhiên (2022), Phân tích rủi ro trong sản xuất cà phê của nông hộ vùng Cầu Đất TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, <i>Tạp chí Khoa học Đại học Văn Hiến</i> , số 8, 81 - 97	
90	Nguyễn Văn Cường, Huỳnh Thanh Thủy, Nguyễn Ngọc Thùy (2022), Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn ứng phó rủi ro của nông hộ trong sản xuất cà phê vùng Cầu Đất, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, <i>Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i> , 97 - 105	
91	Nguyễn Văn Cường, Huỳnh Thanh Thủy, Nguyễn Ngọc Thùy (2022), Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn ứng phó rủi ro của nông hộ trong sản xuất cà phê vùng Cầu Đất, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, <i>Tạp chí nông nghiệp và phát triển nông thôn</i> , 97 - 105	
92	Nguyễn Minh Tôn, Nguyễn Thị Mỹ Duyên (2022), Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến động lực tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên trường ĐH Nông Lâm TP.HCM, <i>Tạp chí Công thương</i> , số 21, 182 -187	
93	Khúc Đình Nam và cộng sự (2022), Customer intention to adopt QR code for payment: empirical research in HCM city, Vietnam, <i>Journal of Trade Science</i> , Volume 10(1)-3/2022	
94	Khúc Đình Nam và cộng sự (2022), <i>Determinants affecting individual customer satisfaction with MoMo e-wallet: an empirical study in Ho Chi Minh City, Vietnam</i> , The third International Conference in Business, Economics and Finance (Proceeding), 2022	
95	Đặng Lê Hoa và cộng sự (2022), Gender differences in adaptation strategies to salinity intrusion in the Mekong Delta, Vietnam: An intra-household analysis, The 16th Annual Meeting; September 22-25, 2022. Speke Resort, Kampala, Uganda	
96	Phạm Thùy Dung, Nguyễn Thị Bình Minh, Bùi Thị Kim Hoàng (2022), Các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng phương thức 5S vào hoạt động tại các công ty trong khu công nghiệp trên địa bàn TP.HCM, <i>Tạp chí Công thương</i> , số 14, 64 - 69	
97	Phan Thị Lệ Hằng, Phạm Thuỳ Dung, Nguyễn Thị Bình Minh, Bùi Thị Kim Hoàng, (2022), Thực trạng áp dụng công cụ 5S trong các công ty trên địa bàn khu công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, <i>Tạp chí Công thương</i> , số 09, 96 - 101	
98	Phạm Thùy Dung (2022), Evaluation the factors affect the ecotourism in Ba Ria Vung Tau Province, MEKON 2023	
99	Hà Thị Thu Hòa và cộng sự (2022), <i>Factors affecting smallholder farmers' choice of marketing channels for agricultural products: A literature review</i> , The 4th International Conference on Sustainable Agriculture and Environment	
100	Hoa Thi Thu Ha, Dang Bach Nguyen, Hoa Le Dang, Nhung Thi Hong Pham (2022), Factors affecting the relationship quality between coffee farmers and	

	local traders: A case study in a highland commune of Dak Lak, Vietnam, <i>The Journal of Agriculture and Development</i> 21(3), 1-11	
101	Hoa Thi Thu Ha, Dang Bach Nguyen, Hoa Le Dang, Nhung Thi Hong Pham (2023), <i>Determinants of relationship quality between coffee farmers and purchasing agents: A case study in the Central Highlands of Vietnam</i> , The 4th International Conference on Sustainable Agriculture and Environment	
102	Trần Đức Luân (2022), <i>Tư duy kinh tế trong sản xuất nông nghiệp và giống cây trồng: Lý luận và nghiên cứu thực tiễn</i> , Hội thảo Tư duy kinh tế nông nghiệp trong sản xuất và thương mại giống cây trồng	
103	Trần Minh Dạ Hạnh (2023), Change in cereal production caused by climate change in Algeria: empirical evidence from ARDL approach, Springer Nature	
104	Hoàng Hà Anh, Trần Minh Dạ Hạnh (2023), Determinants of the Manipulated Financial Statements of Enterprises Listed on the Vietnam Stock Exchange, Springer Nature	
105	Lê Na, Đàng Quang Vãng (2023), Factors affecting the business efficiency of listed joint stock commercial banks in Vietnam, <i>VNUHCM Journal of Economics, Business and Law</i> , 4067 - 4077	
106	Lê Na và cộng sự (2023), Knowledge, attitude, and practices of swine farmers related to livestock biosecurity: A case study of African Swine Fever in Vietnam, <i>Journal of Agricultural Sciences - Sri Lanka</i>	
107	Phạm Thùy Dung và cộng sự (2023), Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ của người tiêu dùng đối với nhãn hiệu riêng của nhà bán lẻ Winmart tại TP. Hồ Chí Minh, <i>Tạp chí Công thương</i>	
108	Nguyễn Thị Bình Minh và cộng sự (2023), Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của người lao động tại các trường đại học TP.HCM, <i>Tài chính doanh nghiệp</i>	
109	Nguyễn Thị Bình Minh và cộng sự (2023), Vận dụng mô hình SEM trong nghiên cứu các yếu tố tác động đến hiệu quả làm việc của người lao động, <i>Tạp chí tài chính doanh nghiệp</i>	
110	Nguyễn Văn Cường (2023), <i>Analyzing the current situation of linking organic rice production and consumption in Long Hoa Commune</i> , Sustainable Agriculture and Rural Development in the Era of Climate Change: Vietnamese Perspectives	
111	Dương Thị Thu Thịnh, Trần Hoài Nam, Nguyễn Minh Tôn, Nguyễn Thùy Dung, Trần Thị Minh Nương (2023), Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tin tưởng trong mối liên kết giữa nông hộ chăn nuôi bò sữa và doanh nghiệp tại huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng, <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp</i> , số 5, tập 12, 152 - 159	
112	Phan Thị Lệ Hằng và cộng sự (2023), Thái độ của người tiêu dùng đối với nhãn hiệu riêng của Winmart tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh, <i>Tạp chí Công thương</i>	
113	Trần Đức Luân và cộng sự (2023), Tồn thương sinh kế và khả năng thích ứng với đại dịch Covid-19 của hộ gia đình tại phường Hiệp Bình Phước, Thành phố Thủ Đức, <i>Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ- Kinh tế- Luật và Quản lý (STDJ) của Đại Học Quốc Gia TP.HCM (VNU-HCM)</i>	
114	Lê Anh Tuyết (2023), Ảnh hưởng của tỷ lệ che phủ rừng được trồng đến năng suất tôm trong hệ thống canh tác nuôi trồng kết hợp ở huyện Ngọc Hiển - Tỉnh Cà Mau, <i>Khoa học và Công nghệ</i>	
115	Bùi Thị Kim Hoàng và cộng sự (2023), <i>Despotic Leadership And Subjective Well-Being: The Mediating Role Of Ingratiation</i> , The International Conference on Business and Finance” ICBF 2023	

4. Hợp tác quốc tế

4.1 Hội nghị, hội thảo khoa học ngành, chuyên ngành trong và ngoài nước

Bảng 6. Danh sách hội nghị, hội thảo quốc tế liên quan đến ngành đăng ký trong 5 năm gần nhất

STT	Tên hội nghị, hội thảo quốc tế	Thời gian, địa điểm	Đơn vị đồng tổ chức	Thông tin trên tạp chí, website
1	"Customers' Affective and Instrumental Commitment: A Special Reference to Self-Service Technologies in Domestic versus Foreign Banks", published in International conference proceedings: 2014 AP MBA	International Conference on Management and Business Sciences, Faculty of Economics & Business, University of Brawijaya, Malang, Indonesia, 11 – 12 December 2014		
2	"Organizational Resources and Performance of Green Marketing Management - An Integrated Conceptual Model: a Comparative Study between Vietnam and Taiwan Firms",	International Conference: 2014 Trade and Investment Relationship between Taiwan and Vietnam, Taiwan, 24 and 25 April 2014		
3	Diễn đàn "Đối tác hợp tác trường đại học và doanh nghiệp trong đào tạo POHE"	25/10/2014 Nong Lam University, Ho Chi Minh City		
4	Development of Homestay and Agritourism Program	<i>Alor Setar, Kedah Malaysia</i> 20-27/9/2014	Asia Productivity Organization and Malaysia Productivity Center	
5	DELTAS2013 – International Conference. World – Deltas – Dialogues	<i>Ho Chi Minh City, 10/2013</i>	Wetlands America and National University in HCMC	
6	Development, Promoting and Marketing of Agro-tourism Products	<i>Kinabalu, Sabah, Malaysia, 2012</i>	Asia Productivity Organization and Malaysia Productivity Center	
7	Risk management in Agriculture and Rural Finance	<i>Yogyakarta, Indonesia, 2011</i>	Indonesian National Productivity Center	
8	The 2nd AJI International Workshop on "Sustainable Agriculture and Rural Development in the Era of Climate Change: Asian Perspectives"	Nong Lam University, Ho Chi Minh City (16-08-2023)	Asia-Japan Research Institute (AJI), Ritsumeikan University	ニュース アジア・日本 研究所 立命 館大学 (ritsumeai.ac.jp)

4.2 Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài đã và đang triển khai

Bảng 7. Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài trong 5 năm gần nhất liên quan đến ngành đăng ký đào tạo đã và đang triển khai

STT	Tên chương trình, đề tài	Cơ quan, tổ chức, nước hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số sinh viên tham gia	Kết quả nghiên cứu trên tạp chí, website
1	Toward Sustainable Agriculture in Asia: Economic Challenges and Policy Aspects	Asia-Japan Research Institute (AJI), Ritsumeikan University, Japan	2022-2024	5	Technical Efficiency of Sustainable and Conventional Rice Farming: Evidence from the Mekong Delta of Vietnam N. T. T. Hien, H. T. Tam, K. Shimada, H. H. Anh, N. Van Cuong and L. C. Tru Chemical Engineering Transactions 2023 Vol. 106 Pages 343-348 DOI: 0.3303/CET23106058

5. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo nâng cao

5.1. Phòng học, phòng thí nghiệm, trang thiết bị

Bảng 8. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc chương trình đào tạo nâng cao dự kiến mở trình độ đại học

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học chuyên dụng)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Phòng học PV 121	1	42	Máy chiếu Projector	02	Phục vụ giảng dạy phần lý thuyết các môn học
2	Phòng học PV 231	1	42	Máy chiếu Projector	01	Phục vụ giảng dạy phần lý thuyết các môn học
3	Giảng đường Cát Tường	5	250	Máy chiếu Projector	05	Phục vụ giảng dạy phần lý thuyết các môn học
4	Giảng đường Rạng Đông	2	100	Máy chiếu Projector	02	Phục vụ giảng dạy phần lý thuyết các môn học

5.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

Tổng diện tích thư viện: 4800 m², trong đó diện tích phòng đọc: 444 m², phòng mượn: 362m², phòng tự học 392m², Kho luận văn-luận án: 152m², phòng truy cập internet: 188m², phòng Multimedia: 378m²

- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 100

- Phần mềm quản lý thư viện: Libol

- Thư viện điện tử: đã kết nối được với 6 cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước (Proquest Central, Oare, Agora, Hinari, KQNC, STD); việc tra cứu của giảng viên, sinh viên trong toàn trường có thể được thực hiện tại thư viện hay trực tuyến.

Số lượng sách: 12000 đầu sách với 40000 bản; hơn 20000 luận văn, luận án; hơn 100 nhan đề báo, tạp chí chuyên ngành; các tài liệu điện tử và cơ sở dữ liệu online và giáo trình điện tử.

Bảng 9. Danh mục giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng in	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Quản trị chiến lược: Khái luận và các tình huống	Fred David	NXB Hồng Đức, 2020	1	Quản trị chiến lược	208406	HK2, năm 2	
2	Thuế	Khúc Đình Nam, Nguyễn Thị Bình Minh, Phạm Tấn Anh	NXB Tài chính, TP.HCM, 2020	1	Pháp luật thuế	208342	HK2, năm 2	
3	Nguyên lý kế toán	Đàm Thị Hải Âu & Bùi Công Luận	Nhà Xuất Bản Tài Chính, 2020	1	Nguyên lý kế toán	208336	HK1, năm 2	
4	Risk Management and Financial Institutions	John C. Hull	John Wiley & Sons, Inc, 2019	1	Quản trị rủi ro	208432	HK2, năm 3	
5	Quản trị rủi ro	Phan Thị Thu Hà, Lê Thanh Tâm, Hoàng Đức Mạnh	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019	1	Quản trị rủi ro	208432	HK2, năm 3	
6	The handbook of communication skills	Owen Hargie	Routlegd, 2019	1	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	208402	HK1, năm 3	
7	Giao dịch và đàm phán trong kinh doanh	Hoàng Đức Thân	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019	1	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	208402	HK1, năm 3	

8	Phân tích đầu tư chứng khoán	Nguyễn Minh Huệ, Trần Đăng Khâm	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019	1	Thị trường chứng khoán	208425	HK2, năm 3	
9	Khởi nghiệp kinh doanh: lý thuyết, quá trình, thực tiễn	Donald F. Kuratko	NXB Hồng Đức, 2019	1	Khởi nghiệp	208407	HK1, năm 4	
10	Giáo trình Thẩm định giá trị bất động sản	Nguyễn Ngọc Vinh, Nguyễn Quỳnh Hoa	NXB Lao động – Xã hội, 2014	1	Thẩm định giá	208326	HK2, năm 3	
11	Modern methods of valuation	Eric F Shapiro & David Mackmin, Gary Sams	Routledge, 2016	1	Thẩm định giá	208326	HK2, năm 3	
12	Quản trị tài chính căn bản	Nguyễn Quang Thu	NXB Kinh tế, 2017	1	Quản trị Tài chính	208341	HK1, năm 3	
13	Fundamentals of human resource management	Gary Dessler	Pearson Education, 2016	1	Quản trị nhân sự	208424	HK2, năm 2	
14	Phương pháp nghiên cứu định lượng	Đinh Phi Hồ	NXB Phương Đông, 2012	1	Phương pháp nghiên cứu khoa học quản trị	208499	HK2, năm 4	
15	Quality management for organizational excellence	David L. Goetsh Stanley B. Davis	Pearson, 2015	1	Quản trị chất lượng	208429	HK1, năm 4	
16	Giáo trình Pháp luật về chủ thể kinh doanh	Bùi Xuân Hải	NXB Hồng Đức, 2017	1	Luật thương mại	208423	HK2, năm 2	
17	Giáo trình Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	Phan Huy Hồng	NXB Hồng Đức, 2017	1	Luật thương mại	208423	HK2, năm 2	
18	Giáo trình Hành vi tổ chức	Phạm Thúy Hương và Phạm Thị Bích Ngọc	NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2016	1	Hành vi tổ chức	208422	HK1, năm 3	
19	Nghiên cứu khoa học trong quản trị kinh doanh	Nguyễn Đình Thọ, Nguyễn Thị Mai Trang	NXB Thống Kê, 2009	1	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản trị	208403	HK1, năm 4	
20	International business: the challenges of globalization	Alverne Ball, John J. Wild, Kenneth L. Wil	Pearson Education, 2015	1	Kinh doanh quốc tế	208427	HK1, năm 4	
21	Giáo trình Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh	Nguyễn Văn Thắng	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2014	1	Kiến tập chuyên ngành quản trị	208489	HK1, năm 4	

22	Giáo trình Nghiên cứu thị trường	Nguyễn Đình Thọ và Nguyễn Thị Mai Trang	NXB Lao động, 2011	1	Nghiên cứu thị trường	208492	HK2, năm 3	
23	Phân tích hoạt động kinh doanh	Phạm Văn Dược	NXB Kinh tế TP.HCM, 2015	1	Phân tích kinh doanh	208452	HK2, năm 2	
24	Giáo trình Marketing căn bản	Đinh Tiên Minh	NXB Lao Động, 2012	1	Marketing căn bản	208453	HK1, năm 2	
25	Quản trị học	Nguyễn thị Liên Diệp	NXB Lao động - Xã hội, 2008	1	Quản trị học	208416	HK2, năm 1	
26	Quản trị văn phòng	Nguyễn Thành Bộ, Nguyễn Ngọc Diệp	NXB Đại Học Kinh Tế Quốc Dân, 2016	1	Quản trị hành chính văn phòng	208437	HK1, năm 4	
27	Giáo trình Quản trị chiến lược	Lê Thế Giới và Nguyễn Thanh Liêm	NXB Thống kê, 2017	1	Quản trị chiến lược	208406	HK2, năm 2	
28	Giáo trình Quản trị Marketing	Trương Đình Chiến	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2017	1	Quản trị Marketing	208431	HK1, năm 3	
29	Tư duy sáng tạo và Phương pháp Nghiên cứu khoa học	Ngô Kiều Nhi và cộng sự	NXB Trí thức, Hà Nội, 2012	1	Seminar chuyên ngành	208405	HK2, năm 4	
30	Market Leader Upper Intermediate: Business English Course Book	Cotton, D., & Falvey, D.	Pearson, 2012	1	Tiếng anh chuyên ngành nâng cao	208404	HK2, năm 4	
31	Consumer Behavior (7th Edition)	Wayne Hoyer, Deborah J. MacInnis	Cengage Learning, 2017	1	Động thái khách hàng	208461	HK1, năm 4	
32	Supply Chain Management: Strategy, Planning and Operations. Fifth Edition	Chopra, S. and P. Meindl	Prentice Hall, 2016	1	Quản trị chuỗi cung ứng	208472	HK1, năm 3	
33	Operation Management 13th Edition	William J Stevenson	McGraw-Hill Education, 2017	1	Quản trị sản xuất	208451	HK1, năm 3	
34	Lập và Thẩm định dự án đầu tư	Đinh Thế Hiển	NXB Kinh tế, Tp.HCM, 2015	1	Dự án đầu tư	208421	HK2, năm 3	
35	Giáo trình Nghiên cứu thị trường	Nguyễn Đình Thọ và Nguyễn Thị Mai Trang	NXB Lao động, 2011	1	Tiểu luận tốt nghiệp ngành quản trị	208450	HK2, năm 4	

36	Introduction to electronic Commerce and Social Commerce	Efraim Turban, Judy Whiteside, David King, Jon Outland	Springer Cham, 2017	1	Thương mại điện tử	208439	HK2, năm 3	
37	Quality Management for Organizational Excellence, 6th	David L. Goetsh Stanley B. Davis	Pearson, 2015	1	Quản trị chất lượng ứng dụng	208429	HK1, năm 4	
38	Nghiên cứu khoa học Marketing sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM	Nguyễn Đình Thọ & Nguyễn Thị Mai Trang	NXB Lao động, 2011	1	Kiến tập thị trường	208642	HK2, năm 3	
39	Introductory Econometrics: A Modern Approach	Wooldridge, J.M.	Cengage Learning, 2013	1	Kinh tế lượng căn bản	208211	HK2, năm 2	
40	Kinh tế vi mô: căn bản và nâng cao	Đinh Phi Hổ	NXB Tài Chính, 2013	1	Kinh tế vi mô 1	208109	HK1, năm 1	
41	Kinh tế học vĩ mô	Mankiw, N. Gregory	NXB Hồng Đức, 2016	1	Kinh tế vĩ mô 1	208110	HK2, năm 1	
42	Kinh tế học vi mô	Robert S. Pindyck và Daniel L. Rubinfeld	NXB Kinh tế, TPHCM, 2015	1	Kinh tế vi mô 2	208122	HK1, năm 2	
43	Statistics for Business and Economics	James McClave, P. George Benson	Pearson, 2017	1	Nguyên lý thống kê kinh tế	208231	HK1, năm 2	
44	Quantitative Analysis for Management	Barry Render, Ralph M. Stair, Jr., & Michael E. Hanna	Prentice Hall, 2011	1	Phân tích định lượng trong quản lý	208222	HK2, năm 3	
45	Giáo trình Lý thuyết tài chính – tiền tệ. năm	Lê Thị Tuyết Hoa, Đặng Văn Dân	Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM, 2017	1	Tài chính tiền tệ	208340	HK1, năm 2	
46	Giáo trình Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	Phan Thị Cúc	NXB Thống Kê, 2014	1	Tín dụng ngân hàng	208345	HK1, năm 3	

Phần IV: Các điều kiện khác

1. Tuyển sinh

- Điều kiện, phương thức tuyển sinh:

Học sinh tốt nghiệp THPT, trúng tuyển vào trường ĐH Nông Lâm, TP HCM (xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT quốc gia, sử dụng tổ hợp môn thi A00, A01, D01), với kết quả bằng hoặc cao hơn kết quả thí sinh thi đỗ vào ngành Quản trị Kinh doanh trường ĐH Nông Lâm, TP HCM (diện được tuyển thẳng hoặc điểm trên một mức do nhà trường quy định từng năm).

- Kế hoạch tuyển sinh: 30 sinh viên/năm.

2. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở chương trình đào tạo nâng cao

Quy trình đào tạo được tổ chức theo học chế tín chỉ. Điều kiện tốt nghiệp tuân theo Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ của trường Đại học Nông Lâm TP HCM. Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc cũng như số học phần tự chọn theo yêu cầu của chương trình đào tạo, tổng lượng kiến thức tối thiểu là 136 TC với điểm trung bình tốt nghiệp $\geq 5,5$ theo thang điểm 10 và điểm trung bình tốt nghiệp $\geq 2,0$ theo thang điểm 4,0. Khuyến khích sinh viên ra Trường làm khóa luận tốt nghiệp bằng Tiếng Anh.

3. Chính sách hỗ trợ, ưu tiên cho giảng viên và sinh viên Chương trình nâng cao

Các sinh viên Chương trình nâng cao được học tập trong điều kiện cơ sở vật chất và hạ tầng tốt nhất (trong phòng học riêng với quy mô tối đa 30 sinh viên/lớp, có máy lạnh và wifi). Sinh viên được truy cập vào các nguồn tài nguyên như các tài liệu, sách, tạp chí để phục vụ cho quá trình học tập thuận tiện nhất. Sinh viên được tạo cơ hội học tập, thực hành, kiến tập tại các doanh nghiệp theo các dự án được Khoa, Nhà trường tổ chức. Sinh viên được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các đề tài cơ sở để có nhiều kỹ năng và kinh nghiệm trước khi ra trường. Đồng thời, các sinh viên được ưu tiên xét tham gia các Hội thảo khoa học quốc tế và các chương trình trao đổi sinh viên giữa khoa và các trường đối tác.

Giảng viên được hỗ trợ các nguồn tài liệu trong và ngoài nước phục vụ cho quá trình giảng dạy. Các giảng viên tham gia giảng dạy chương trình nâng cao được hỗ trợ mức chi phí phù hợp theo quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.

4. Dự toán chi phí đào tạo

Áp dụng theo mức thu học phí theo định mức học phí Chương trình chất lượng cao ngành Quản trị kinh doanh năm 2023-2024.

5. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở chương trình đào tạo nâng cao

Khoa Kinh Tế đã có kinh nghiệm nhiều năm trong vận hành các chương trình đào tạo đại học (08 CTĐT đại trà và 01 CTCLC). Có một số rủi ro trong quá trình thực hiện CTĐT nâng cao. Trước hết là sự thiếu hụt về nguồn nhân lực chất lượng cao, thiếu hụt các trang thiết bị hiện đại cần thiết cho việc giảng dạy và nghiên cứu. Do đó, cần đầu tư vào cơ sở vật chất và tăng cường đội ngũ giảng viên cho chương trình này. Đồng thời, chương trình nâng cao cần tập trung vào việc đào tạo và nâng cao trình độ tiếng Anh của giảng viên và sinh viên. Ngoài ra, học phí tăng cao gây trở ngại đến nhu cầu học tập của sinh viên. Tuy nhiên, hiện nay học phí hệ nâng cao của ĐHNL vẫn rất cạnh tranh so với mặt bằng chung và vẫn nằm trong khả năng chi trả của sinh viên. Rủi ro còn lại chính là các thay đổi về chính sách khiến CTĐT không thể tiếp tục vận

hành. Trong trường hợp này, sinh viên sẽ được hỗ trợ tối đa để chuyển đổi quá trình học tập sang hệ đại trà của Khoa (nếu đáp ứng các điều kiện về điểm chuẩn và trình độ ngoại ngữ).

6. Các minh chứng kèm theo đề án

6.1. Nghị quyết của Hội đồng Trường phê duyệt chủ trương mở chương trình nâng cao trình độ đại học;

6.2. Quyết định thành lập hội đồng xây dựng, hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nâng cao; biên bản của hội đồng xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo nâng cao; Quyết định ban hành chương trình đào tạo nâng cao;

6.3. Quyết định thành lập hội đồng xây dựng, hội đồng thẩm định đề án đào tạo nâng cao; biên bản của hội đồng xây dựng và thẩm định đề án đào tạo nâng cao;

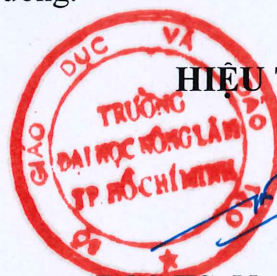
6.4. Biên bản thẩm định và kết luận đề án đào tạo nâng cao trình độ đại học của Hội đồng Khoa học đào tạo cấp Trường;

6.5. Giấy Chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục hoặc xác nhận đã đăng ký và đang trong thời gian kiểm định;

6.6. Văn bản quy định chi tiết về đào tạo nâng cao của Trường.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- Hội đồng Trường;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: Khoa; HC, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn